



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04320/2025/PKQ (25.1807.12W2511.765-766)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Nhà máy tái chế và xử lý chất thải nguy hại Hậu Sanh, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 30/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 30/11/2025 - 26/12/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				12W2511.765	12W2511.766
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,9
2.	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	200	15
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	387	23
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	240	6,0
5.	Tổng nitơ (TN)	mg/L	TCVN 6624-2:2000	14,5	0,60
6.	Tổng Xianua	mg/L	SMEWW 4500CN-.C&E:2023	0,053	<0,003
7.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006	0,002
8.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0002	<0,0002
9.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,001	<0,001
10.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,008	<0,008
11.	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,003	<0,003
12.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	3,47	<0,040
13.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (MDL = 0,0003)	KPH (MDL = 0,0003)
14.	Tổng phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,10	0,30
15.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	1.510	<5,0
16.	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	1,43	0,013
17.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,5	<0,3

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istec.vn>; <http://www.danetc.vn>.

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				12W2511.765	12W2511.766
18.	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	$7,2 \times 10^3$	$2,7 \times 10^3$

Ghi chú:

- 12W2511.765: Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, E 109°9'40.8",
N 13°58'39.8"

- 12W2511.766: Mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, E 109°9'40.2",
N 13°58'39.4"

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025
VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Đỗ Văn Mạnh